TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2024
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng;
Ông Nguyễn Hoàng Nam.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Kim Đầy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh****:* Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc*"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Hạnh M, xã Mỹ Long B, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Hạnh M, xã Mỹ Long B, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1989 chị và anh Nguyễn Văn T, xác lập quan hệ hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, do anh T ghen tuông, thường xuyên xúc phạm danh dự chị và nhiều lần hâm giết chị. Chị đã nhiều lần khuyên nhũ anh T nhưng anh Tài vẫn không sửa đổi nên từ năm 2021 chị và anh T sống ly thân cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung tên: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/01/1991 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 26/01/1997 đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị L không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị L không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Quá trình xác lập hôn nhân chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống đến năm 2021, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vợ quen với người đàn ông khác bên ngoài nên anh có cầm dao hâm dọa sẽ giết vợ nên vợ bỏ nhà từ năm 2021 cho đến nay. Nay vợ yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ.

- Về con chung tên: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/01/1991 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 26/01/1997 đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Anh T không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/01/1991 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 26/01/1997 đã trưởng thành, chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu phải trả: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị L nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Ấp Hạnh M, xã Mỹ Long B, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2] *Về hôn nhân*: Chị L và anh T chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thời gian chung sống chị Lvà anh T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng chị L và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định, từ đó xác định hôn nhân giữa chị L và anh T là không hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do anh T ghen tuông, thường xuyên xúc phạm danh dự chị và nhiều lần đòi giết chị. Chị đã nhiều lần khuyên nhũ anh T nhưng anh T vẫn không sửa đổi nên từ năm 2021 chị và anh T sống ly thân cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại chị không còn tình cảm với anh T, chị cương quyết xin ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do vợ quen người khác bên ngoài nên giữa vợ chồng xảy ra cự cải và sống ly thân từ 2021 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị L xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T là trầm trọng, không hàn gắn được. Chị L cương quyết xin ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L, vì còn thương chị L nhưng chị L không đồng ý mà cương quyết xin ly hôn. Xét thấy tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân chị L và anh T, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chị L và anh T không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên anh chị sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh T là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/01/1991 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 26/01/1997 đã trưởng thành, chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung của vợ chồng*: Chị L và anh T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng*: Chị L và anh T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L

- *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- *Về con chung tên*: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/01/1991 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 26/01/1997 đã trưởng thành, chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Chị L và anh T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng*: Chị L và anh Tài không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019194, ngày 01 tháng 12 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị L đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà